TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hồng Trang

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Nhật Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-DS ngày 16/6/2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Đầu tư G**

Địa chỉ: đường HL, phường H, Quận P, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1987

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Quốc S, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 21 Đ, phường V, TP. N, Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông **Trương Văn L1**, sinh năm 1960 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường Huỳnh Tấn P, phường T, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã MP, TP. M, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại N

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật:

+ Bà Dương Thị Trúc L2, sinh năm 1994. Chức danh: Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã MP, TP. M, Tiền Giang.

+ Ông Trương Văn L1, sinh năm 1960 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường Huỳnh Tấn P, phường T, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã MP, TP. M, Tiền Giang.

2. Công ty Công ty TNHH MTV TH

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị B, chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh V, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã VK, huyện C, Tiền Giang.

3. Công ty TNHH Kỹ thuật M&E NT

Địa chỉ: 39/1 ĐT, phường M, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành T, chức danh: Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn là công ty Cổ phần Đầu tư G trình bày:

Ngày 2/4/2019, công ty Cổ phần Đầu tư G và ông Trương Văn L1 có ký kết hợp đồng cho mượn số 14/2019/HĐ-GIC với nội dung là công ty G cho ông L1 mượn tiền để đầu tư trạm biến áp 560kVA và khung kèo hệ thống điện năng lượng mặt trời được lắp đặt trên khu đất có địa chỉ tại ấp X, xã K, huyện G, Tiền Giang. Hình thức giải ngân là công ty G sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà thầu được ông L1 thuê để thi công lắp đặt trạm biến áp 560kVA và khung kèo hệ thống điện năng lượng mặt trời. Sau đó, công ty G và ông L sẽ đối chiếu xác nhận số tiền mà công ty G đã giải ngân cho nhà thầu. Thời hạn mượn 6 tháng. Thực hiện hợp đồng, công ty G đã thanh toán cho nhà thầu số tiền 1.139.491.310 đồng và được ông L1 xác nhận tại văn bản xác nhận công nợ ngày 04/2/2020 và văn bản xác nhận công nợ ngày 20/01/2022. Đến hạn thanh toán, ông L1 trì hoãn không trả tiền.

Nay công ty GIC yêu cầu ông L1 thanh toán toàn bộ tiền mượn để đầu tư trạm biến áp 560kVA và khung kèo hệ thống điện năng lượng mặt trời được lắp đặt trên khu đất có địa chỉ tại ấp X, xã K, huyện G, Tiền Giang với số tiền 1.139.491.310 đồng. Yêu cầu ông L1 thanh toán tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 18/9/2023 theo lãi suất 10%/năm là 448.928.357 đồng. Tổng cộng là 1.588.419.667 đồng.

Bị đơn ông Trương Văn L1 trình bày:

Ông đồng ý số tiền nợ gốc và lãi như nguyên đơn trình bày. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng thanh toán nợ cho nguyên đơn. Theo Điều 3 của Hợp đồng này, hai bên có thỏa thuận: "Trong thời gian Bên B chưa thanh toán hết số dư nợ của Hợp đồng này, tài sản trạm biến áp

560kVA và khung kèo chính để lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời như nội dung đã nêu tại Điều 1 sẽ là tài sản của Bên A (Công ty G). Sau khi hai Bên thực hiện xong nghĩa vụ của Hợp đồng này sẽ tiến hành ký kết Biên bản thanh lý và bàn giao lại tài sản.". Ông yêu cầu giao tài sản cho nguyên đơn quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTV TH trình bày:

Ngày 11/4/2019, công ty TNHH MTV TH ký hợp đồng xây lắp khoán gọn số 04/2019/HĐ-XD về việc thi công công trình, nội dung là xây dựng mới đường dây dài 18m và Trạm biến áp (TBA) 3pha 22/0,4kVA - 1x 560kVA cấp điện phục vụ nuôi trồng thủy sản của ông Trương Văn L1 tại ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang với giá trị hợp đồng là 680.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2019, hai bên ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉ giá trị phát sinh tăng thêm là 10.000.000 đồng. Công trình này công ty TH đã thực hiện xong công trình và ông L1 đã thanh toán cho công ty TH xong số tiền 690.000.000 đồng. Công ty TH chỉ biết là đã ký hợp đồng với ông Trương Văn L1 và công ty đã hoàn thành hợp đồng với ông L1, không biết đến việc ông L1 làm ăn với công ty G nên công ty TH không có ý kiến hoặc yêu cầu gì. Do công ty TH không có yêu cầu gì và không có liên quan nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Bà Dương Thị Trúc L2 là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Sản xuất Thương mại N trình bày:

Bà và ông L1 là người đại diện theo pháp luật của công ty N. Hợp đồng cho mượn số 14/2019/HĐ/G ngày 02/4/2019 được ký kết giữa bên cho mượn là công ty G với bên mượn là ông Trương Văn L1 với tư cách là người đại diện của công ty N chứ không phải với tư cách cá nhân ông L1.

Theo Điều 3 của Hợp đồng này, hai bên có thỏa thuận: "Trong thời gian Bên B chưa thanh toán hết số dư nợ của Hợp đồng này, tài sản trạm biến áp 560kVA và khung kèo chính để lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời như nội dung đã nêu tại Điều 1 sẽ là tài sản của Bên A (Công ty G). Sau khi hai Bên thực hiện xong nghĩa vụ của Hợp đồng này sẽ tiến hành ký kết Biên bản thanh lý và bàn giao lại tài sản."

Bà không đồng ý đối với yêu cầu trả tiền của công ty G vì hiện nay toàn bộ công trình này đang do công ty G quản lý và sử dụng. Ngoài ra, hiện nay công ty N không có khả năng thanh toán tiền nợ cho công ty G vì đã bàn giao toàn bộ tài sản và khoản thu từ tài sản cho công ty G.

- Công ty TNHH Kỹ thuật M&E NT đã được Tòa án tống đạt Thông báo v/v thụ lý vụ án, Thông báo đưa người tham gia tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Về

nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền vốn và lãi cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, công ty Cổ phần Đầu tư G yêu cầu ông Trương Văn L1 trả số tiền 1.139.491.310 đồng và tiền lãi. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Xét người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV TH có đơn xin vắng mặt là phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Xét Công ty TNHH Kỹ thuật M&E NT đã được triệu tập hợp lệ lần 2 mà vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự này tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 2/4/2019, công ty Cổ phần Đầu tư G và ông Trương Văn L1 có ký kết hợp đồng cho mượn số 14/2019/HĐ-GIC với nội dung là công ty G cho ông L mượn tiền để đầu tư trạm biến áp 560kVA và khung kèo hệ thống điện năng lượng mặt trời được lắp đặt trên khu đất có địa chỉ tại ấp X, xã K, huyện G, Tiền Giang. Hình thức giải ngân là công ty G sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà thầu được ông L1 thuê để thi công lắp đặt trạm biến áp 560kVA và khung kèo hệ thống điện năng lượng mặt trời. Sau đó, công ty G và ông L1 sẽ đối chiếu xác nhận số tiền mà công ty G đã giải ngân cho nhà thầu. Thời hạn mượn 6 tháng. Thực hiện hợp đồng, công ty G đã thanh toán cho nhà thầu số tiền 1.139.491.310 đồng và được ông L1 xác nhận tại văn bản xác nhận công nợ ngày 04/2/2020 và văn bản xác nhận công nợ ngày 20/01/2022.

[2.2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng Quốc S yêu cầu ông L1 trả số tiền gốc 1.139.491.310 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/10/2019 đến ngày 18/9/2023 theo lãi suất 10%/năm là 448.928.357 đồng. Tổng cộng là 1.588.419.667 đồng.

[2.3] Xét tại phiên tòa ông L1 thống nhất còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi như trình bày của nguyên đơn. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Xét ông L1 có ý kiến cho rằng hiện nay ông không có khả năng trả nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Theo Điều 3 của Hợp đồng này, yêu cầu giao tài sản cho nguyên đơn quản lý nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Xét ông Long có đơn xin miễn án phí vi là người cao tuổi nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty Cổ phần Đầu tư G.

- Buộc ông Trương Văn L1 có nghĩa vụ trả cho công ty Cổ phần Đầu tư G số tiền gốc 1.139.491.310 đồng và tiền lãi 448.928.357 đồng. Tổng cộng là 1.588.419.667 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi tám triệu bốn trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn L1 được miễn án phí sơ thẩm.

Hoàn lại công ty Cổ phần Đầu tư G 29.067.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0023953 ngày 16/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. Mỹ Tho
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho
- Các đương sự
- Lưu HSAV